

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam

Ngày 28/06/2024	7,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.8%	-3.7%	-3.7%

DT thuần Q2/24
1,428
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 442 44.8%
YoY: ▲ 577 67.8%

LN thuần Q2/24
1.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27 21.0%
YoY: ▲ 0.50 47.2%

LN sau thuế Q2/24
1.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.23 22.4%
YoY: ▲ 0.38 43.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
0.1%
YoY: +/- ▼ 0.0%

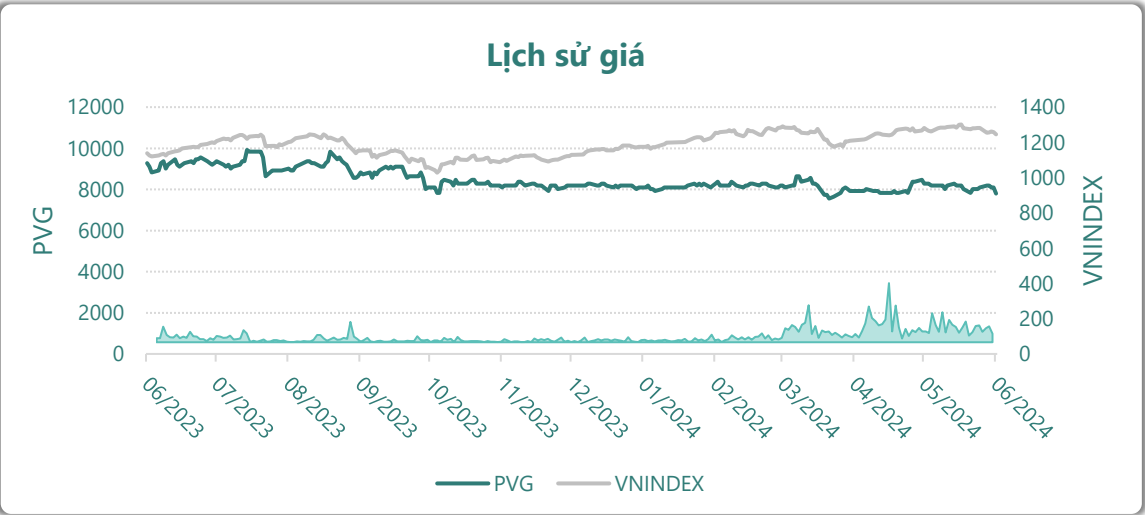
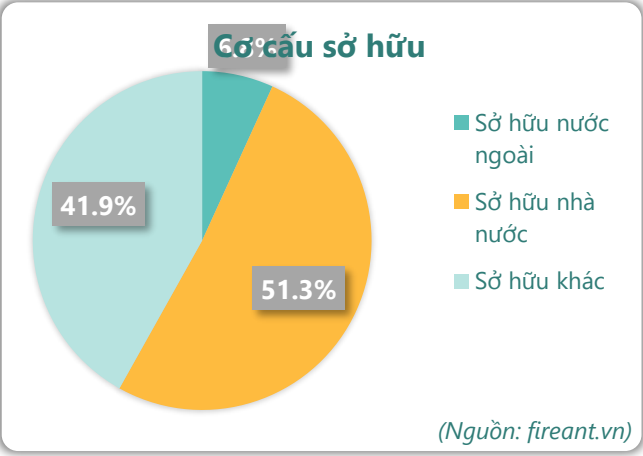
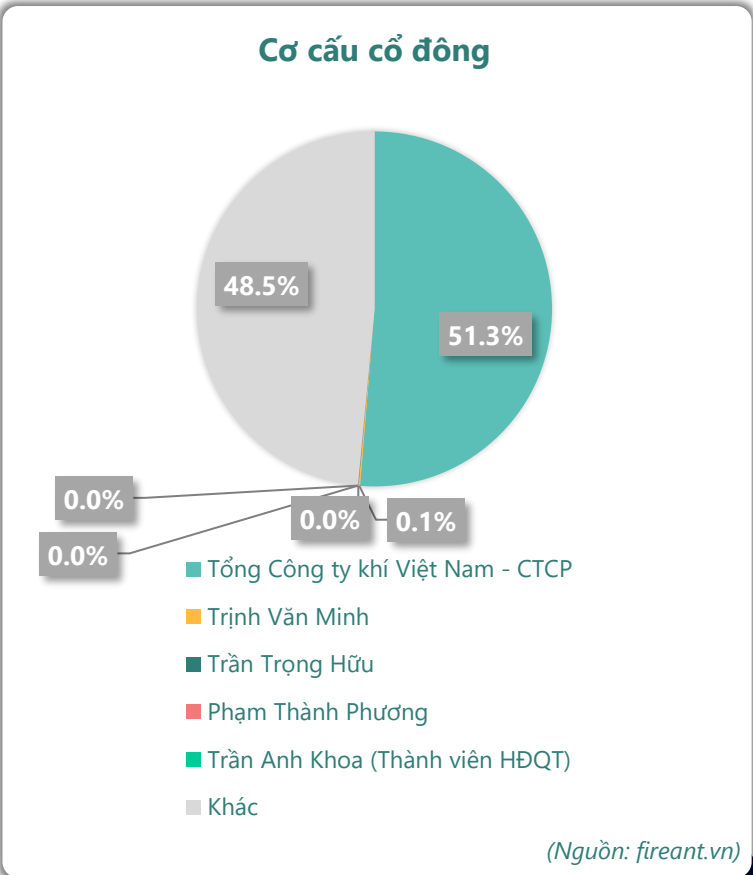
ROE (TTM) Q2/24
-0.2%
YoY: +/- ▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,554 - 9,920
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	312
Số lượng CPLH (CP)	39,998,522
KLGD BQ 20 phiên (CP)	92,875
Sở hữu nước ngoài	6.8%
Beta	0.54
EPS	-30
P/E	-264.2

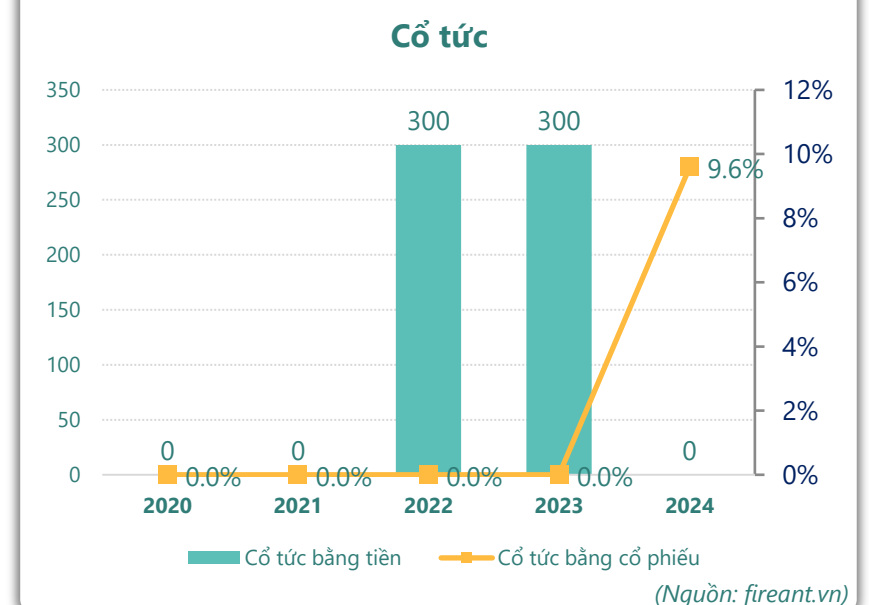
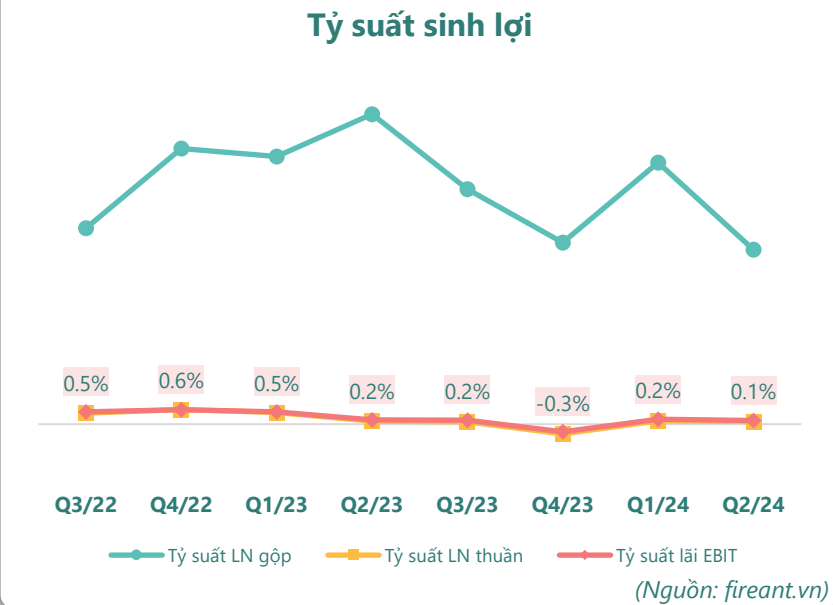
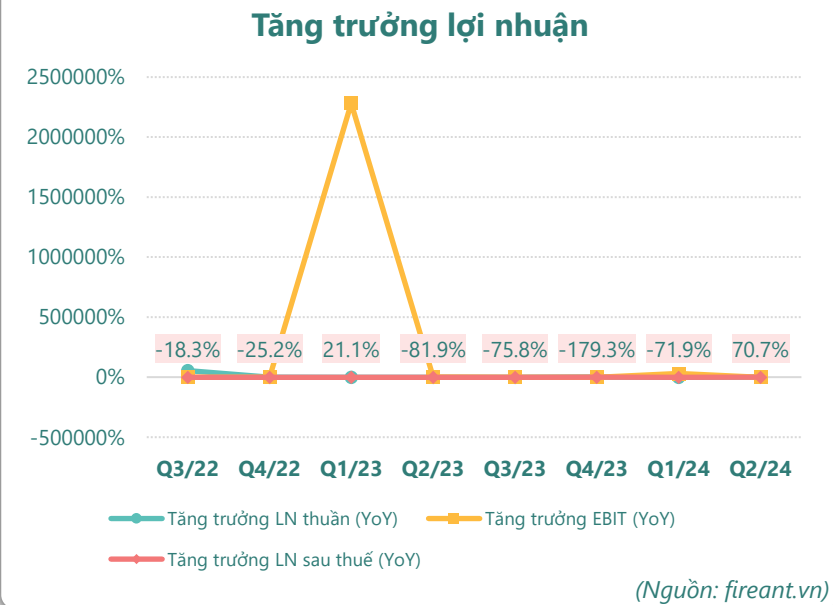
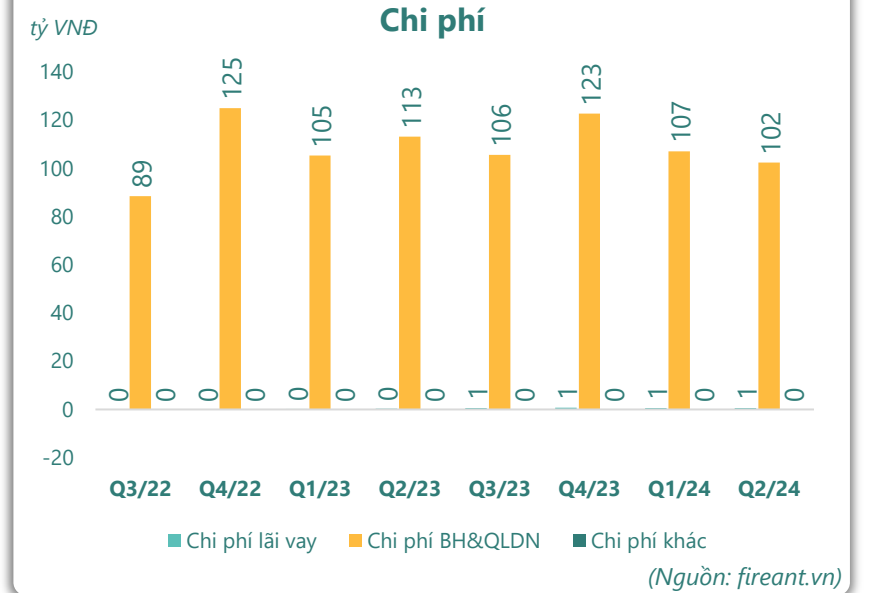
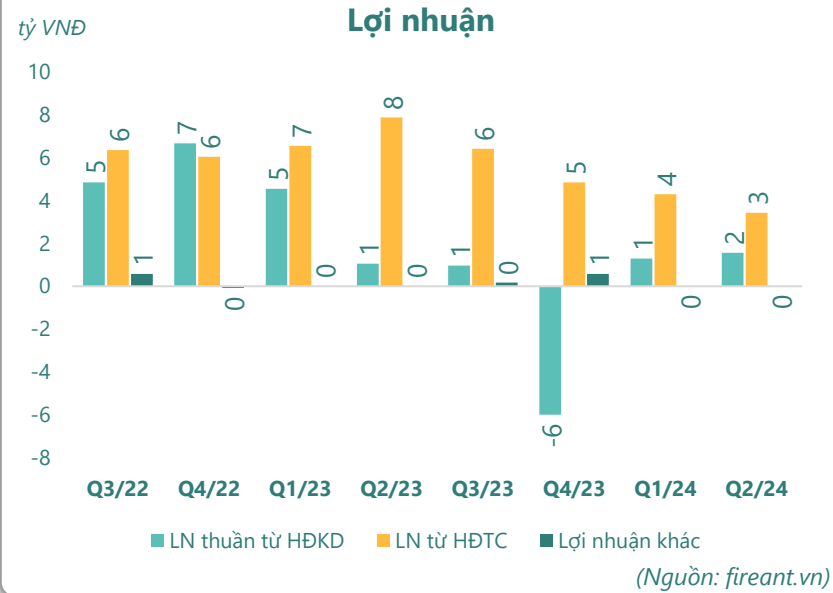
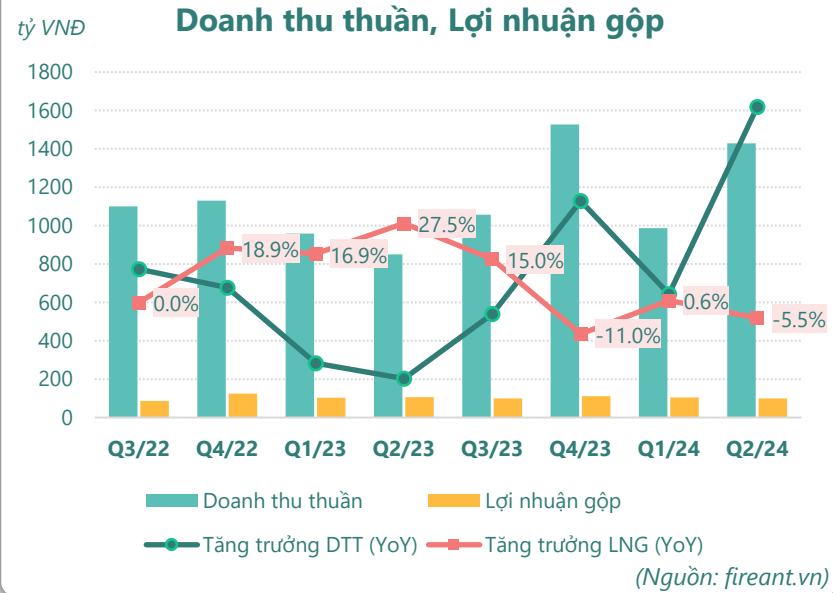
DT thuần 6T 2024
2,414
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 606 33.5%

LN thuần 6T 2024
2.85
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.76 -49.2%

LN sau thuế 6T 2024
2.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.24 -49.6%



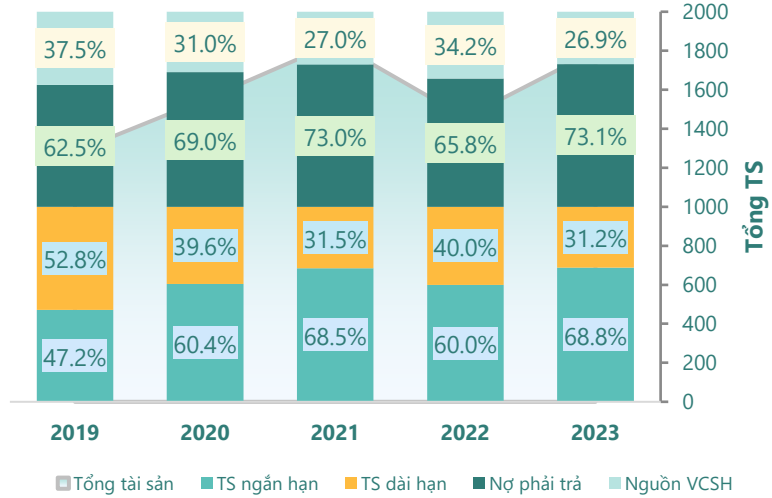
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

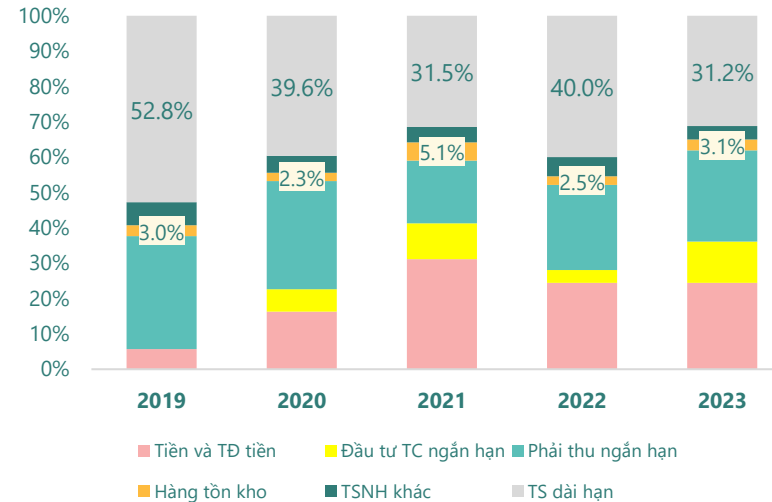
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

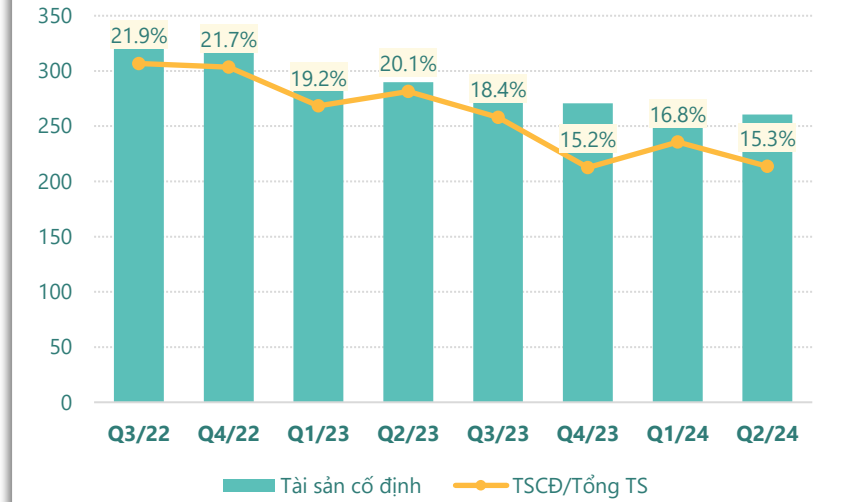
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

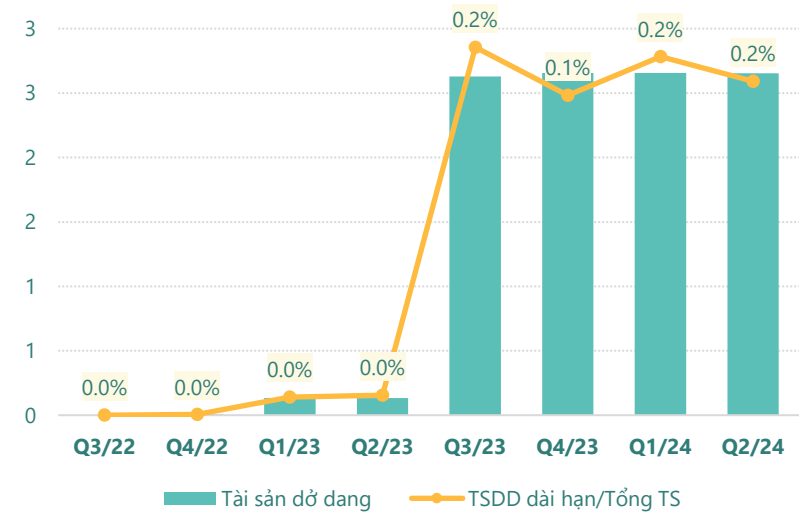
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

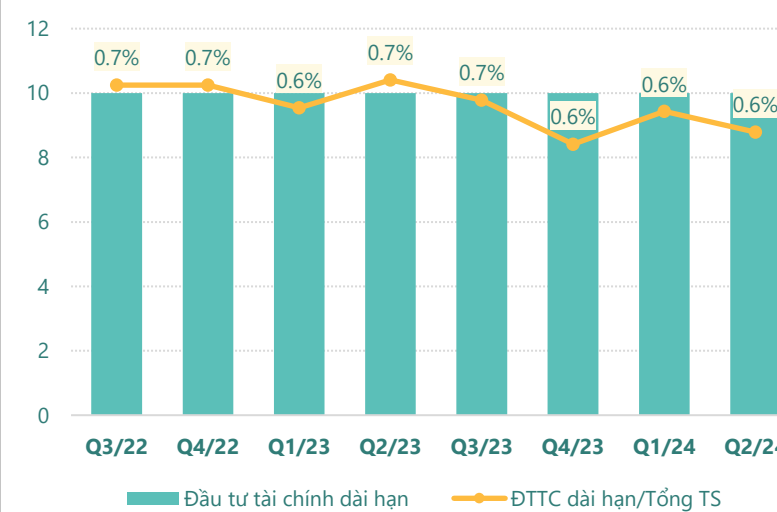
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

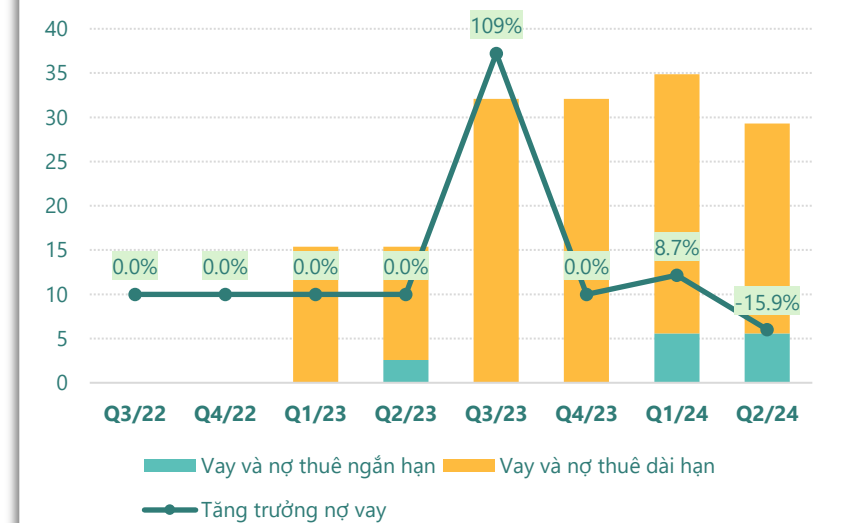
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

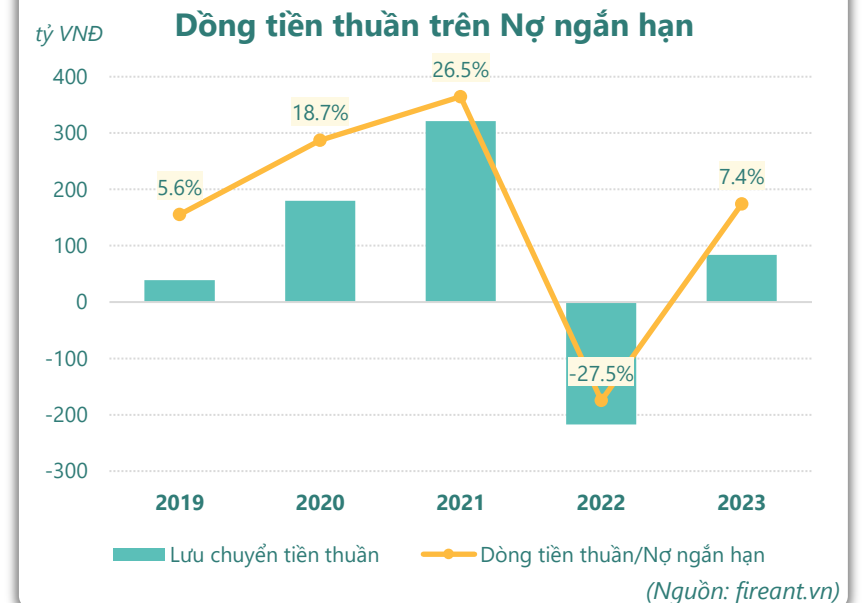
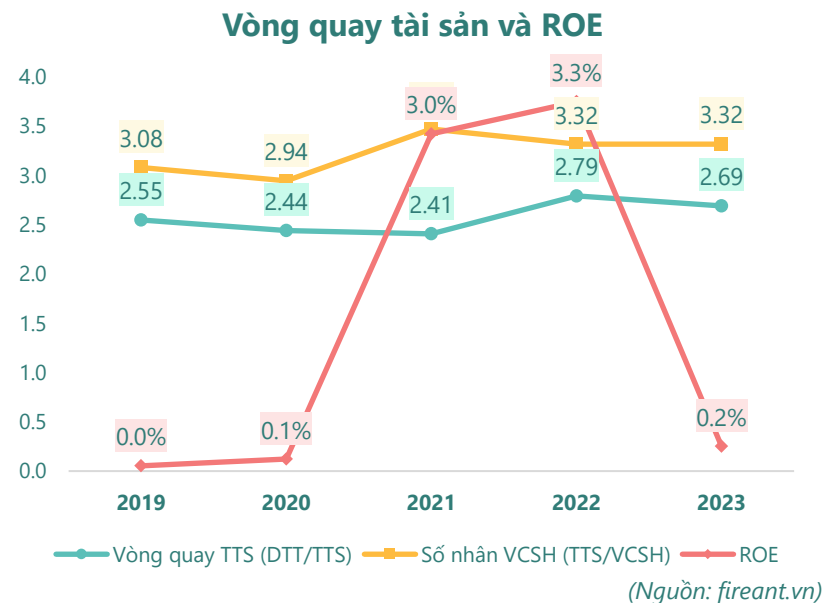
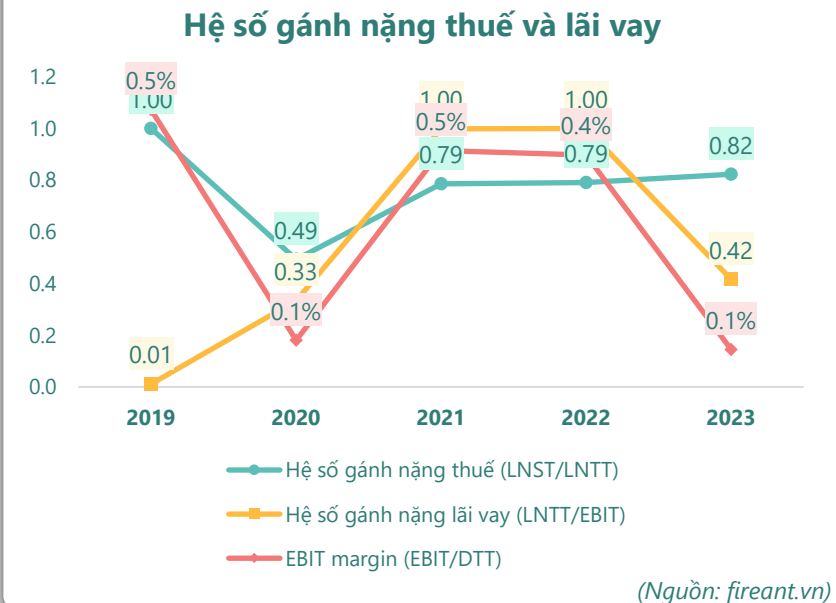
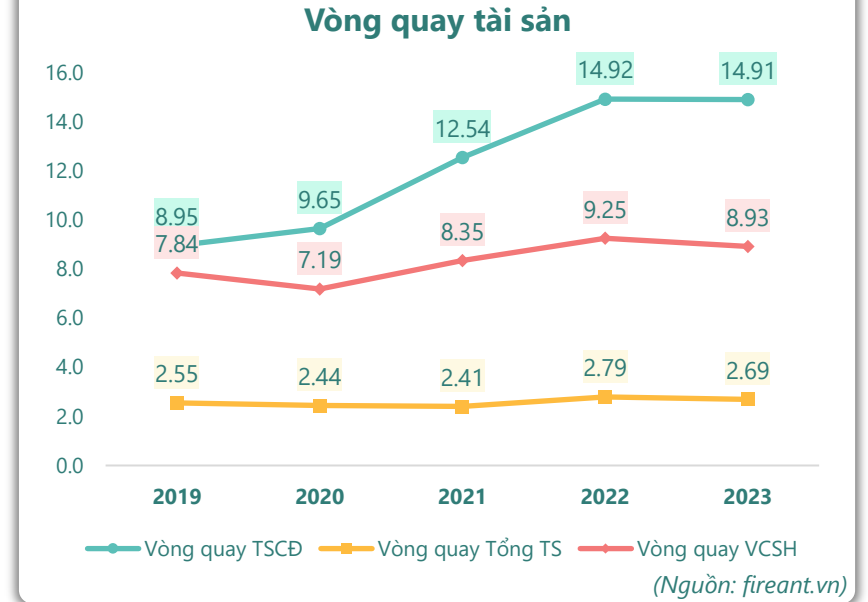
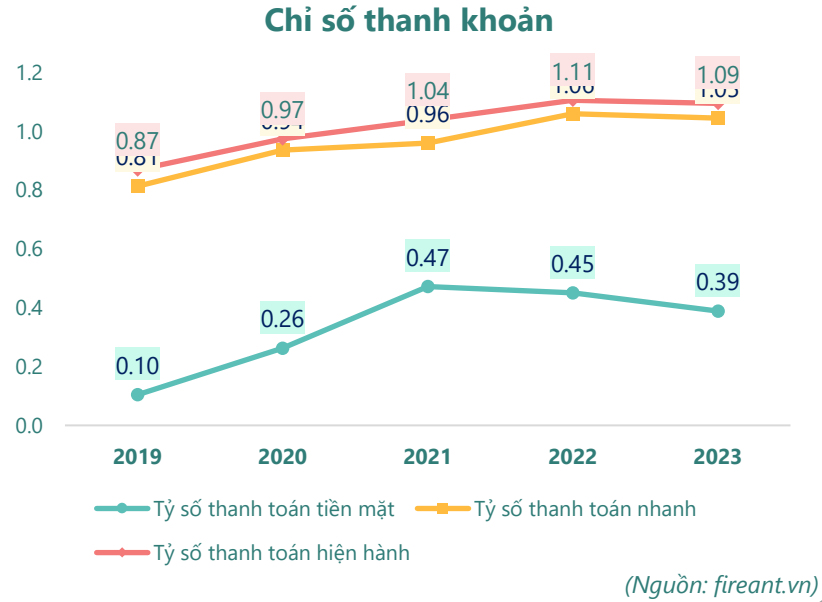
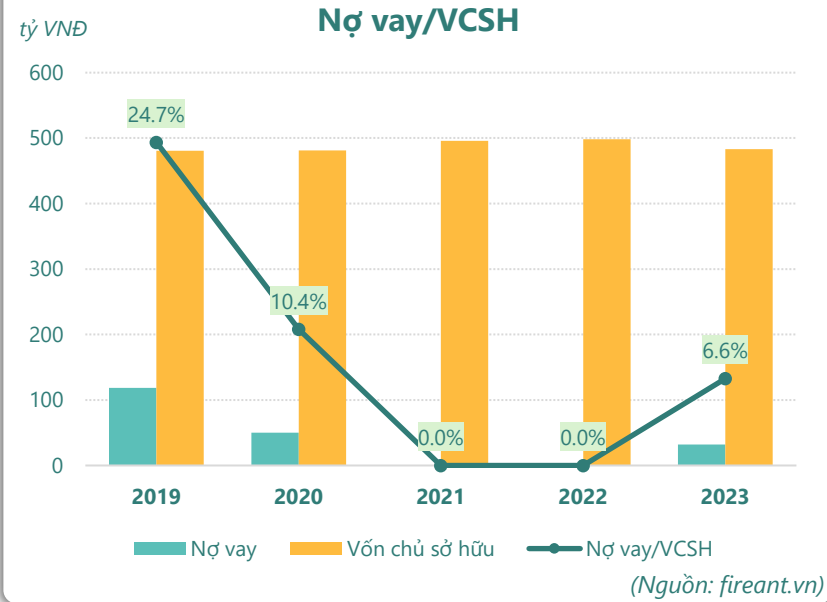
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,428	851	67.8%	2,414	1,808	33.5%
Giá vốn hàng bán	1,328	744	78.4%	2,210	1,599	38.2%
Lợi nhuận gộp	101	106	-5.2%	205	210	-2.5%
Doanh thu HĐTC	3.99	8.27	-51.8%	8.91	15.0	-40.6%
Chi phí TC	0.56	0.40	40.5%	1.19	0.57	108%
Chi phí lãi vay	0.56	0.39	43.6%	1.18	0.57	108%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	93.1	97.7	-4.7%	190	189	0.5%
Chi phí QLDN	9.28	15.5	-40.2%	19.9	29.8	-33.4%
LN thuần từ HĐKD	1.56	1.06	47.2%	2.85	5.61	-49.2%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.01	0.00	-1077%
LN trước thuế	1.56	1.06	47.2%	2.84	5.61	-49.3%
Lợi nhuận sau thuế	1.25	0.87	43.5%	2.27	4.51	-49.6%
LNST của CĐ cty mẹ	1.25	0.87	43.5%	2.27	4.51	-49.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	123	-104	73.8	-185	-269	73.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.2	-104	117	379	134	-56.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.4	0	16.4	-12.8	18.9	-21.7
Tiền đầu kỳ	356	427	219	426	440	324
Lưu chuyển tiền thuần	70.9	-209	207	182	-116	-5.38
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	427	219	426	608	324	319

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,707	1,800	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	1,169	1,238	-5.6%
Tiền và tương đương tiền	319	440	-27.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274	210	30.6%
Phải thu ngắn hạn	425	463	-8.4%
Hàng tồn kho	69.6	55.8	24.7%
Tài sản ngắn hạn khác	81.9	68.4	19.6%
Tài sản dài hạn	538	562	-4.2%
Phải thu dài hạn	1.69	1.67	1.0%
Tài sản cố định	261	277	-5.9%
Bất động sản đầu tư	19.7	20.2	-2.1%
Tài sản dở dang	2.65	2.66	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	244	250	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,221	1,316	-7.2%
Nợ ngắn hạn	1,048	1,131	-7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,014	1,094	-7.3%
Nợ dài hạn	174	186	-6.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.7	26.5	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	486	483	0.5%
Vốn chủ sở hữu	486	483	0.5%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

